

## Trần Viết Ngạc

# BỐI CẢNH LỊCH SỬ ĐẠI VIỆT VÀO THỜI ALEXANDRE DE RHODES ĐẶT CHÂN ĐẾN

Sinh năm 1591 ở Avignon, 19 tuổi đi tu, Alexandre de Rhodes rời Lisbonne năm 1619 đến Goa, Salsete, Malacca và cuối cùng đến Macao vào ngày 20-5-1623. Không thể đến Nhật như dự tính, Alexandre de Rhodes đến Đàng Trong vào đầu năm 1625 (hoặc cuối 1624). Ở đến tháng 3-1627 và sau đó ông đến Đàng Ngoài, cư trú ở đó cho đến tháng 5-1630. Trong khoảng 5 năm (1640-1645), ông đi đi về về giữa Macao và Đàng Trong để rồi ngày 3-7-1645 từ biệt Đàng Trong và cho đến lúc mất (1660) không còn có dịp trở lại<sup>1</sup>.

Chỉ sau 6 tháng đầu tiên đến Đàng Trong, A. de Rhodes học tiếng Việt và đã có thể dùng tiếng Việt tiếp xúc với người địa phương. Giao tiếp rộng rãi với nhiều tầng lớp xã hội, đi lại nhiều nơi ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, A. de Rhodes đã thông hiểu được phong tục tập quán, văn hóa và lịch sử Đại Việt. Ông viết về Đại Việt trong nhiều cuốn : - *Les divers voyages et missions*, - *Relation des heureux succès de la foi au royaume de Cochinchine*, - *Histoire du Tonkin*, - *Pháp giảng tám ngày*, - *Dictionnaire annamite latin-portugais*.

Alexandre de Rhodes đến Đàng Trong vào thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) và chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) và đến Đàng Ngoài dưới thời chúa Thanh Trịnh Tráng (1625-1657).

Trong thời gian, không liên tục, Alexandre de Rhodes có mặt ở Đàng Trong và Đàng Ngoài (1625-1645), lịch sử Đại Việt có mấy sự kiện quan trọng :

- Năm 1627, năm A. de Rhodes rời Đàng Trong đến Đàng Ngoài, là năm khởi đầu chiến tranh Trịnh Nguyễn (1627-1672).

- Đàng Trong xây dựng lũy Trường Dục (1630) và Lũy Thầy (1631).

- Năm 1644, thủy quân của chúa Nguyễn đã đánh thắng thủy quân Hòa Lan do Pieter Back chỉ huy khiến Pieter Back phải cho nổ tàu để tự tử.

- Ngoài trận mở đầu 1627, A. de Rhodes biết hoặc nghe nói đến 3 lần đụng độ Nam Bắc vào những năm 1630, 1635 và 1643.

Alexandre de Rhodes, vì thế, là một nhân chứng lịch sử, cung cấp cho chúng ta những thông tin quý giá và phong phú. Ông là người đầu tiên đã viết và cho xuất bản một cuốn tự điển và sách bằng quốc ngữ và hẳn nhiên, nếu ông không phải là người đầu tiên phiên âm tiếng Việt bằng mẫu tự la tinh để thay thế chữ nôm phiên toái và khó học, thì không ai có thể phủ nhận ông đã có công rất lớn trong việc hình thành chữ quốc ngữ.

Song những nội dung vô cùng thú vị và hấp dẫn đó không phải là điều chúng tôi muốn đề cập đến trong bài này.

Chúng tôi muốn trình bày sau đây, bối cảnh lịch sử nước Đại Việt vào thời A. de

---

1. Tháng 2-1640, A. de Rhodes đến Đàng Trong. Tháng 8-1640 bị trục xuất, ông tự lái tàu về Macao. Ngày 17-12-1640, trở lại Đà Nẵng và bị trục xuất năm 1641. Tháng 1-1643, ông đến Hội An, ra Phú Xuân yết kiến Chúa Thượng, dạy toán pháp cho Chúa, giảng đạo ở đó. Bị trục xuất, ông vào Đà Nẵng nhờ sự che chở của tín đồ cho đến tháng 9-1643 lại trở về Macao. Tháng 1-1644, Rhodes trở lại Đà Nẵng và đến Phú Xuân dâng tặng lễ vật. Ông ăn mừng lễ Phục Sinh ở Đà Nẵng với một số thủy thủ rồi sau đó đi Huế, Quảng Bình, Hội An... Ngày 3.7.1645 rời Đàng Trong.

Rhodes đến Đàng Trong và Đàng Ngoài. Thời gian 20 năm (1625-1645) là thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn (1627-1672) và sự phân lập Đàng Trong – Đàng Ngoài gần 100 năm sau đó. Toàn bộ thời gian trên lại thuộc một thời kỳ khủng hoảng kéo dài của dân tộc Việt Nam kể từ Nam Bắc triều (từ 1533) đến gần hết thế kỷ 18. Trong khoảng 250 năm, Đại Việt lần lượt bị chia hai, chia ba... : Nam Bắc triều (Mạc-Lê Trung hưng), Trịnh-Mạc-Nguyễn, Trịnh-Nguyễn, Trịnh-Nguyễn-Tây Sơn và Nguyễn Ánh-Tây Sơn.

Nhiều nhà nghiên cứu đã tìm hiểu nguyên nhân của sự phân ly đó.

- Phải chăng là vì trong 10 triều vua của nhà Lê, trừ Thái tổ, Thánh tông và Hiến tông, các vua khác đều lên ngôi từ lúc còn nhỏ tuổi “nên việc triều chính mỗi ngày một suy kém, lại có những ông vua hoang dâm làm lăm điều tàn bạo<sup>2</sup>...” ?

- Phải chăng đây là hậu quả của “sự phá sản của nền kinh tế tiểu nông vì bộ phận ruộng đất công làng xã một ngày một bị lũng đoạn<sup>3</sup>” ?

- Phải chăng “đây là hậu quả do chế độ chuyên chế đẻ ra và trở thành thứ bệnh kinh niên của chế độ này khi mà nhiệm vụ thống nhất quốc gia và chống ngoại xâm đã được hoàn thành về cơ bản<sup>4</sup>” ?

- Phải chăng sự khủng hoảng là do “mức độ tiến hóa về kinh tế của dân Việt lúc bấy giờ không theo kịp sự mở mang bờ cõi quá nhanh chóng” về phía Nam và Kinh đô Đông Kinh không còn là trung tâm của đất nước<sup>5</sup> ?

Có thể trích dẫn nhiều cách giải thích khác nữa. Song theo chúng tôi, sự khủng hoảng kéo dài đưa đến nội chiến và sự phân ly từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18 là sự *khủng hoảng trường thành* chứ không phải là sự khủng hoảng của bế tắc hay suy tàn. Không quan niệm như thế, làm sao giải thích được sự phát triển trong nhiều phương diện của Đại Việt ở Đàng Ngoài và nhất là ở Đàng Trong trong thời gian trên<sup>6</sup> ?

Sau thời kỳ vững mạnh và phát triển của Đại Việt dưới các triều Lý, Trần và Lê với chế độ trung ương tập quyền và thế tập, đầu thế kỷ 16 Đại Việt bắt đầu đi vào thời kỳ khủng hoảng với Lê Uy Mục và Tương Dực mà đương thời có người gọi là vua quý và vua lợn. Chiêu Tông và Cung Hoàng chỉ còn là những con rối trong tay các triều thần có thế lực tranh giành quyền lợi và đánh giết lẫn nhau. Đó là những dấu hiệu báo trước cái viễn cảnh tan rã của chính quyền trung ương dẫn đến tình trạng địa phương cát cứ và nội chiến trong hơn một thế kỷ rưỡi tiếp theo.

Trong suốt thời kỳ Trung hưng, vua Lê – mà bắt đầu là một hình ảnh tệ hại : Chúa Chởm<sup>7</sup> – thực sự chỉ còn là danh nghĩa. Cuộc chiến tranh Nam Bắc triều (Lê-Mạc) tuy có kéo dài, tiêu hao lắm người và của song chưa phải là một cuộc chiến tranh đe dọa sự thống nhất của dân tộc : Vùng đồng bằng sông Hồng ở phía Bắc và vùng châu thổ sông Mã, sông Cả ở phía Nam vốn từ lâu đời, là một thể thống nhất. Mật độ dân số và tiềm lực kinh tế rõ ràng không thuận lợi cho một thế chia cắt. Nhưng chính cuộc chiến tranh Trịnh-Mạc này đã tạo điều kiện để dẫn đến cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn và sự phân ly lãnh thổ về sau với hậu quả phá hoại sự đoàn kết và thống nhất dân tộc.

“Cả thiên hạ đua theo về lợi” là tổng kết của Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) về thời đại của ông. Toàn thể xã hội bị ảnh hưởng, bị chi phối bởi sự tranh giành quyền lợi. Lý tưởng sống nhân nghĩa, yêu nước thương dân của Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi không còn nghe ai nói đến. Chỉ có *dung* (yên thân) và *lợi*. Có thể nói Nguyễn

2. TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam Sử lược*. Sài Gòn 1958. Trang 258.

3. NGUYỄN PHAN QUANG VÀ CÁC TÁC GIẢ, *Lịch sử Việt Nam (1427-1858)* quyển 2, tập 1. Hà Nội 1976. Tr. 53.

4. ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM, *Lịch sử Việt Nam*, tập I. Hà Nội 1971. Tr. 287.

5. DUONG KY, *Việt Sử Khảo lược*, quyển I. Huế 1949. Tr. 31.

6. Xem thêm DUONG VĂN AN, *Ô Châu cận lục*, LÊ QUÝ ĐÓN, *Phi biên tạp lục*.

7. Chúa Chởm : Ngày nay người Việt còn dùng “mắc nợ như Chúa Chởm !”

Bình Khiêm đã nhìn thấy rõ tâm can của các cá nhân và dòng họ thế lực đương thời<sup>8</sup>. Chẳng những thế, Nguyễn Bình Khiêm đã tiên đoán cái thế chia hai thiên hạ từ khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa. “Bên kia dãy Hoành Sơn...” chính là miền đất Thuận Hóa và Quảng Nam. Tại sao chiếm lĩnh được miền đất Thuận Quảng lại có thể dung thân muôn đời? Phải chăng sự mở rộng lãnh thổ về phía nam đã hình thành những trung tâm kinh tế chính trị mới, mà trước tiên là Thuận Hóa tạo điều kiện cho sự phân ly và chính sự phân ly lại thúc đẩy Đàng Trong đẩy biên cương phía nam tiến nhanh về vịnh Xiêm?

Cuộc hôn nhân Trần Huyền Trân và vua Chiêm Chế Mân năm 1306 đã đem về cho Đại Việt hai châu Ô, Lý. Năm sau Ô Lý được đổi thành châu Thuận và châu Hóa. Thuận Hóa (Quảng Trị, Thừa Thiên và một phần phía Bắc của Quảng Nam) mau chóng trở thành một vùng trọng yếu ở phía nam. Lê Lợi thu phục giang sơn, Lê Thánh Tông tiến quân về phía Nam đều có sự đóng góp quan trọng của Thuận Hóa<sup>9</sup>. Đến nửa đầu thế kỷ 16, Thuận Hóa đã là một vùng “núi non trùng điệp, vàng sắt chất chứa, sông bể mênh mông, cá muối, hào soạn tha hồ khai thác”<sup>10</sup>.

Từ 1558 đến 1593, Nguyễn Hoàng đã lợi dụng thời gian Trịnh lo đối đầu với Mạc, để thu phục nhân tâm và mở mang Thuận Quảng. Trở lại Thuận Hóa năm 1600, Nguyễn Hoàng đã nghiêm nhiên chấp nhận sự đối đầu với họ Trịnh. Và, trước khi mất (1613) hẳn Nguyễn Hoàng đã thấy được cái nhân quả địa lý chính trị của Trạng Trình là tuyệt vời<sup>11</sup>.

Alexandre de Rhodes đến Đàng Trong chính vào lúc Nguyễn Phúc Nguyên thực hiện lời trăng trối của cha “xây dựng sự nghiệp muôn đời”(!) và chuẩn bị cho cuộc chiến tranh Nam Bắc. Để phục vụ chiến tranh, Trịnh và Nguyễn đều phải vơ vét đến tận cùng xương máu và mồ hôi của nhân dân Đàng Ngoài và Đàng Trong.

Trước hết là xương máu : nạn bắt lính. Đó là nỗi sợ hãi của nông dân. Năm 1630, quân Nguyễn tiến chiếm Nam Bố Chính, giết quan châu, lấy hết tiền kho và “biến hết dân làm lính”<sup>12</sup> Thử tưởng tượng một vùng đất nông nghiệp và ngư nghiệp nay không còn một người đàn ông cày ruộng và đi biển!

Ở ngay trên chính miền đất mà chúa Nguyễn “võ vè, thu phục nhân tâm”, việc bắt lính cũng diễn ra như thử là lòng bất tội phạm : “Mỗi năm, vào khoảng tháng ba, tháng tư, quân nhân đi ra các làng bắt dân từ 16 tuổi trở lên, những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre giống như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân. Vào quân đội rồi, mỗi người chuyên học một nghề. Kẻ phân phái đi theo các chiến thuyền để tập luyện. Có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở theo vương phủ làm khâu, tuổi chưa được sáu mươi chưa được về làng cùng cha mẹ vợ con đoàn tụ. Hằng

8. Tương truyền ông đã chỉ cho Nguyễn Hoàng miền đất xa xôi nhưng nhiều triển vọng ở phía nam đèo Ngang (Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân), chỉ cho họ Mạc cái thế dựa lưng Trung Quốc của mảnh đất nhỏ bé Cao Bằng (Cao Bằng tuy thiếu, khâm dung số thế) và cảnh cáo Trịnh Kiểm khi Trịnh Kiểm muốn đập đổ cái bình phong vua Lê để ở vào địa vị cao sang tốt cùng (Thờ Phật thì an ổn). Sự tranh giành quyền lợi không chỉ xảy ra giữa các giòng họ mà còn diễn ra trong nội bộ của mỗi thế lực. Anh em, cha con giết lẫn nhau. Ở Đàng Trong : 1620, vụ quận Văn và quận Hữu, vụ Nguyễn Phúc Anh (1635) Nguyễn Phúc Trung (1654). Đàng Ngoài : Trịnh Cối và Trịnh Tùng, Trịnh Tùng và Trịnh Xuân, Trịnh Tạc và Trịnh Toàn...

9. Lê Lợi : “Tổ tiên ông cha các người đã tận trung với nước, góp sức đánh bại quân thù, lấy lại đất đai. Những công trạng hiển hách đó hiện nay đã chép vào sử sách lưu truyền đời sau”. (Dự tướng hiệu quân nhân Tân Bình Thuận Hóa- năm 1427. Xem : LÊ QUÝ ĐÓN, *Đại Việt thông sử*, bản dịch của Viện Sử học, nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 64).

Trịnh Kiểm : “Xứ Thuận Hóa là kho tinh binh trong thiên hạ, buổi đầu Quốc triều ta bắt đầu gây dựng cơ nghiệp cũng đã dùng dân xứ ấy để dẹp giặc Ngô. Xứ ấy địa thế hiểm trở, dân khí cương cường, lại có nhiều nguồn lợi trên rừng dưới biển, là vùng trọng yếu không xứ nào hơn”. Xem : LÊ QUÝ ĐÓN, *Đại Việt thông sử, sách đã dẫn*, trang 305.

10. TÔN THẮT HÂN, *Genealogie des Nguyễn avant Gia Long* (Bùi Thanh Vân dịch), dẫn bởi PHAN DU, *Quảng Nam qua các thời đại*, quyển thượng, Cổ học tùng thư, Đà Nẵng 1974. Tr. 76.

11. Nguyễn Hoàng : “Đất Thuận, Quảng... núi sinh vàng, sắt, biển có cá muối thật là đất dụng võ của kẻ anh hùng. Nếu biết dạy dân, luyện binh để chống chọi với họ Trịnh thì đủ xây dựng sự nghiệp muôn đời...”. Xem : PHAN KHOANG, *Việt Sử Xứ Đàng Trong*. Sài Gòn 1970. Tr. 164.

12. LÊ QUÝ ĐÓN, *Phủ biên tạp lục, sách đã dẫn*, trang 53.

năm thân thích đem áo quần, vật thực đến thăm mà thôi<sup>13</sup>”.

Ở Đàng Ngoài, văn thơ bình dân phản ánh nỗi khổ của phụ nữ có chồng con bị bắt đi lính để ra trận chém giết tranh quyền đoạt lợi cho nhà chúa :

*Lính vua, lính chúa, lính làng,  
Nhà vua bắt lính cho chàng phải ra.  
Giá vua bắt lính đàn bà,  
Để em đi đỡ anh và bốn năm.*

Hoặc :

*Chém cha cái số chết hoang  
Làm cho thiếp phải gánh lương theo chồng  
Gánh từ xứ Bắc xứ Đông  
Đã gánh theo chồng lại gánh theo con<sup>14</sup>.*

Đó là tiếng khóc và đồng thời là tiếng nguyện rủa của người vợ và người mẹ, cũng là nạn nhân của cuộc nội chiến.

Còn người lính ? Họ ý thức rất rõ về tính chất của cuộc nội chiến tương tàn, oán giận các thế lực đã buộc họ phải chém giết lẫn nhau : Kẻ chém giết và người bị chém giết có cùng chung số phận.

“Tao và mày đều là loài người cả, sao lại nhẫn tâm hại nhau ? Chỉ vì các Chúa tranh giành nhau, đến nỗi tao và mày đều phải chết ngoài số mệnh<sup>15</sup>”.

“Đời trước, phò nhà Lê, chỉ một mình chúa Nguyễn Chiêu Huân [Nguyễn Kim] có công đầu. Mà chúa Nguyễn được có một góc đất này thì chưa xứng công kia. Nay chúa Trịnh ta một mình coi bốn trấn, thiên hạ đều nắm trong tay, mà còn tham được thêm không chán, cho nên đem quân đi tranh hành, đến nỗi chúng ta chết không đúng số, mất cha mẹ, bỏ vợ con. Đó là cái lẽ gì ? Nói rồi đều lớn tiếng cả giận. Từ đó bắc quân đều sinh oán ngầm<sup>16</sup>”.

Để họ tấn công hãm thành, các tướng lãnh phải cho họ uống rượu cấp nộ (rượu chóng say)<sup>17</sup> !

Rõ ràng trong suốt cuộc chiến 45 năm, người lính không có lòng căm thù quân địch mà các tướng lãnh muốn kích thích ở họ. Họ không chia xẻ tính chất “chính nghĩa” của cuộc chiến mà cả hai bên Trịnh Nguyễn đều muốn vỗ ngực giành về phía mình. Tinh thần p hân chiến đã khiến một người lính Bắc quân nào đó mách bảo cho lính Nam quân cách dập tắt lửa của diều dẫn hỏa và tránh thương vong vì loại trái phá một mẹ sinh năm con<sup>18</sup>. Cũng trong tinh thần đó, lính Nam [Binh Nghệ An] “hoặc bắn súng không đạn, hoặc múa gươm không chém, bỏ về mất quá nửa<sup>19</sup>...”

Chỉ có bọn Chúa tham quyền, bọn tướng lãnh say mê với công hầu là bất chấp xương máu của dân. Trong hơn 150 năm, núi xương sông máu, chỉ thấy có Mạc Ngọc Liên và Tôn Thất Hiệp nhìn ra chiến tranh tương tàn là đại họa của nhân dân. Mạc Ngọc Liên trước khi chết đã để thư lại cho Mạc Kính Cung : “Nay họ Lê lại dấy lên được, ấy là trời đã định, còn dân ta thì có tội gì mà ta nở để khổ sở mãi vì chiến tranh ? Vạy ta nên đành phận lãnh mình ở nước ngoài, chớ đừng có đem lòng cạnh tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước mình<sup>20</sup>”.

13. THÍCH ĐẠI SÁN, *Hải ngoại Kỳ sự* (bản dịch của Nguyễn Phương và Nguyễn Duy Bột). Huế 1963. Tr. 43

14. Dẫn theo HOÀNG PHỦ NGỌC TUÔNG trong *Nguyễn Huệ Phú Xuân*, Huế 1983. Tr 24.

15. NGUYỄN KHOA CHIÊM, “Nam triều Công nghiệp diễn chí” (Bản dịch của Hoàng Xuân Hãn), *Tạp chí Sử Địa*, số 27-28, tháng 12-1974, Sài Gòn. Tr. 26.

16. NGUYỄN KHOA CHIÊM, *bài đã dẫn*, tr. 33.

17. NGUYỄN KHOA CHIÊM, *bài đã dẫn*, tr. 28.

18. NGUYỄN KHOA CHIÊM, *bài đã dẫn*, tr. 32 và 26.

19. LÊ QUÝ ĐÓN, *Phủ biên tạp lục, sách đã dẫn*, tr. 59.

20. TRẦN TRỌNG KIM, *sách đã dẫn*, trang 282.

Tôn Thất Hiệp, tổng chỉ huy của quân Nam trong trận quyết chiến năm 1672, chứng kiến cái chết thảm khốc “không đúng số” của hàng vạn quân lính hai bên đã nhận chân được tính chất tàn hại phi lý của cuộc chiến. Ông cho lập đàn tế Nam quân và cả Bắc quân, cho mai táng lính Bắc tử trận. Cả với quân Nam và quân Bắc, ông mong linh hồn họ được bình yên trở về với quê hương và gia đình :

*Phách có linh nên về giúp vợ con  
Hồn có thiêng hãy tìm về xứ sở  
(Văn tế Nam quân)*

*Từ nay vạn thâm tiêu tan  
Sau lại nghìn sâu cõi bỏ.  
Hỡi các người !  
Tìm về nước cũ, sẵn người ruột thịt nối, chung thương !  
Nhận đúng làng mình, đừng ở xa xôi làm lữ khách  
(Văn tế Bắc quân)*

Rồi, sau lễ mừng thắng trận mà ông nhiều lần từ khước nhận thưởng, từ bỏ vợ con, tước lộc vinh hiển “dựng một am nhỏ ở xã Khách Quán [gần thành Hóa Châu]. Từ đó xa lánh sắc đẹp, sơ với của cải, vui cùng hạt thiện rẽ nhân...”<sup>21</sup> lúc mới 20 tuổi<sup>22</sup>.

Chiến tranh tương tàn là anh em sinh đôi với nạn đói. Ở Đàng Ngoài, vốn đã kiệt quệ vì chiến tranh Trịnh Mạc, nay lại dốc sức đánh Nguyễn tất phải vợ vệt của cải trong nhân dân. Gặp lúc đại hạn, mất mùa như vào năm 1608, nhiều dân đất Bắc phải phiêu dạt vào tận Thuận Quảng<sup>23</sup> năm 1745 có bốn nghìn dân đói ở Đàng Ngoài tìm cách trốn vào kiếm sống ở Đàng Trong nhưng bị ngăn chặn và suy t nửa bị chém<sup>24</sup> !

Ở Đàng Trong, nhờ những vùng đất mới khai thác, mật độ dân còn thấp, tài nguyên còn phong phú rõ ràng dù có chinh chiến dân cũng không đến nỗi đói kém nhưng vì nạn bất lính, bắt dân sưu dịch xây thành đắp lũy và sự phân phối không đều nên hệ gặp lụt lội, hạn hán thì dân Thuận, Quảng lại mất mùa, đói kém, có năm có người phải chết đói<sup>25</sup>. Vào lúc chiến tranh cao điểm, nhà Chúa vợ vệt hết nhân lực dành cho công việc đồng áng, làm cho nông thôn tiêu điều như Thích Đại Sán mô tả :

*Dân làng toàn lão nhược  
Trai tráng ra tòng quân  
Nhà hư sợ mưa đột  
Cây kéo mặc sương nhuận  
Nỗi khổ nơi làng mạc  
Ai tau lên chín từng<sup>26</sup>.*

Dân còn bị nạn những nhiễu của nền hành chính phiến hà “10 con trâu đến 9 người chăn”, sách nhiễu của bọn thừa hành như Nguyễn Cư Trinh đã tâu lên Chúa vào năm 1751. Dưới thời Nguyễn Phúc Khoát, vì nạn tiền kẽm nhân dân Thuận Quảng phải đói khổ mấy năm liền. Và vào năm 1774, Thuận Hóa đói lớn, ngoài đường có xác người chết đói, người nhà có khi ăn thịt lẫn nhau<sup>27</sup>.

21. NGUYỄN KHOA CHIÊM, *bài đã dẫn*, tr. 213 và theo hệ phả hiện còn ở Văn Thê - Thừa Thiên. Tôn Thất Hiệp là tổ 5 đời của Tôn Thất Thuyết.

22. Đàng buồn là hành động của ông chẳng thức tình được bọn mưu đồ cát cứ. Đông cung thế tử - anh của Tôn Thất Hiệp - còn nghi cho ông là “cầu huyền bí... để tranh ngôi” nên muốn phá Tĩnh am... !

23. Theo *Thực lục tiền biên*. Dẫn bởi PHAN KHOANG, *sách đã dẫn*, tr. 163.

24. Theo Pierre Poivre, dẫn bởi HOÀNG PHÚ NGỌC TUƠNG, *sách đã dẫn*, tr. 32.

25. PHAN KHOANG, *Việt Sử Xứ Đàng Trong*, Sài Gòn 1970. Tr. 611.

26. THÍCH ĐẠI SÁN, *sách đã dẫn*, tr. 67.

27. Theo *Thực lục tiền biên*. Dẫn bởi PHAN KHOANG, *sách đã dẫn*, tr. 614.

Alexandre de Rhodes đã có mặt vào thời gian đầu của cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn. Trên các nhan đề sách ông viết cho ta thấy có hai vương quốc mà ông gọi là Vương quốc Cochinchina và Vương quốc Tonkin. Đại Việt đang bị chia hai dưới hai chính quyền của hai vị chúa đối nghịch nhau. Đó là một thực tế. Nhưng là nhân chứng có mặt ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, hẳn Alexandre de Rhodes có nhận xét dân hai miền “cùng nói một thứ tiếng cùng chung một tập quán, họ lại yêu quý lẫn nhau. Người Đàng Trong thường lấy làm vinh dự tự coi mình là dòng dõi Đàng Ngoài<sup>28</sup>...”. Trên bản đồ<sup>29</sup> Alexandre de Rhodes vẽ cả cương vực Đàng Trong và Đàng Ngoài mà ông gọi chung là Vương quốc An nam<sup>30</sup> (Royaume d’Annam). Cochinchina và Tonkin là hai xứ của vương quốc ấy. Điều này phù hợp với một thực tế : Đàng Trong và Đàng Ngoài đều dùng niên hiệu vua Lê, đều thừa nhận quốc hiệu Đại Việt. Dù chúa Nguyễn đã bắt dân thay đổi y phục cho khác với Đàng Ngoài, phủ trị được thăng từ dinh lên phủ rồi Kinh thành, ý đồ muốn chia đôi lâu dài song ấn vẫn phải khắc : “*Đại Việt quốc, Nguyễn chúa Vĩnh trấn chi bửu*”. Ấn đó còn truyền đến các vua nhà Nguyễn. Cũng cần phải ghi nhận một cố gắng khác của Nguyễn Phúc Chu trong xu hướng muốn biến Đàng Trong thành một nước riêng. Ấy là vào năm 1702, Chúa đã sai hai người Trung Hoa là Hoàng Thần và Hưng Triệt mang quốc thư và cống phẩm sang nhà Thanh cầu phong. Nhà Thanh đã khước từ với lý do còn có vua Lê.

Hậu quả của sự phân ly là nội chiến. Nhưng dù nội chiến khốc liệt và kéo dài cũng không đủ để nhân dân hai miền coi Đàng Trong và Đàng Ngoài như hai nước.

Mối đe dọa nền thống nhất bắt nguồn từ thời kỳ “cắt đất Bó Chính làm hai phía, lấy một cây lau nhỏ làm giới hạn<sup>31</sup>” làm cho nhân dân hai miền bị phân cách, cắt đứt mọi quan hệ, mọi thông tin. Một tiến sĩ Bắc hà như Ngô Thì Sĩ, năm 1777, thú nhận là “công việc miền Nam hà cũng mơ màng không rõ gì cả<sup>32</sup>, còn nói gì đến dân thường. Cho đến năm Nguyễn Huệ đem quân ra Thăng Long lần đầu tiên (1786), gần 6 thế hệ dân Đàng Trong không biết đến Đàng Ngoài và ngược lại. Chính trong điều kiện đó mà khái niệm *hai nước* hình thành dần trong ý thức và biểu hiện qua ngôn ngữ. Đọc *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* ta không khỏi đau xót và giật mình nhận thấy, trên từng trang một, cái thực tế hai nước đã mặc nhiên được thừa nhận trong ngôn ngữ của người đương thời<sup>33</sup>.

Quả thực là tình trạng chia cắt đã xói mòn tinh thần dân tộc và phá hoại ý thức thống nhất. Song thực là thiếu sót nếu không nói đến sự phát triển lãnh thổ về phía Nam của Đàng Trong trong thời gian nội chiến và nhất là trong thời kỳ sau nội chiến. Sự phát triển lãnh thổ đồng thời với sự tích cực khai thác để có tiềm lực về kinh tế đã khiến miền Nam dần dần có thể sánh ngang với miền Bắc. Lê Quý Đôn đã phải khen : “... Văn mạch ở đất này [Đàng Trong] dằng dặc không đứt, thật đáng khen”. Phải chăng, về phương diện kinh tế, đây là một yếu tố tích cực góp phần chấm dứt thời kỳ khủng hoảng, tạo điều kiện cho Đại Việt tiến đến thống nhất ?

Sứ mệnh lịch sử quan trọng đó đã được Nguyễn Huệ thực hiện. Trước hết, bằng thiên tài quân sự, Nguyễn Huệ đã xóa bỏ được tình trạng chia cắt Trịnh Nguyễn loại trừ những mầm mống cát cứ mới như Nguyễn Hữu Chỉnh, Trịnh Bồng, đánh tan quân xâm lược Xiêm và Thanh.

Nguyễn Huệ có hoài bão “giúp dân, dựng nước”, mong đất nước được giàu mạnh, Nguyễn Huệ là người bách chiến bách thắng nhưng lại hiểu được rằng “việc binh là việc độc hại cho nhân dân<sup>34</sup>” Nguyễn Huệ lên án thời kỳ Nam Bắc phân tranh đã khiến nhân dân phải

28. Theo Pierre Poivre, dẫn bởi HOÀNG PHỦ NGỌC TUỜNG, *sách đã dẫn*, tr. 34.

29. In lại trong HENRI BERNARD, *Pour la compréhension de l’Indochine et de l’Occident*. Hanoi 1939. Tr. 3. Carte du Royaume d’Annam (extrait de la Relazione du P. Alexandre de Rhodes, 1650, H. 10 et 11).

30. A. de Rhodes dùng Annam thay vì Đại Việt là theo cách gọi của Trung Hoa.

31. 32. LÊ QUÝ ĐÔN, *Phi biên tạp lục, sách đã dẫn*, lời Bạt của Ngô Thì Sĩ.

33. Nguyễn Phúc Khoát ngoài biện pháp “đổi áo mũ, thay phong tục” còn cấm cả người Đàng Trong nói tiếng Đông Kinh (giọng Bắc) trước mặt chúa ! (Theo Pierre Poivre, dẫn theo PHAN DU, *Lược khảo về xứ Đàng Trong*).

34. Chiếu phát phối hàng binh.

lầm than<sup>35</sup> dùng chính sách ngoại giao để chấm dứt việc binh đao giữa Việt Nam và Trung Hoa. Nguyễn Huệ<sup>36</sup> bằng những chiến công Nam, Bắc của mình đã trở thành niềm tự hào của dân tộc. Nhân tâm chia lìa nhờ đó mà qui hướng về một mối; ý thức dân tộc có điểm tựa mà phục hồi. Lịch sử luôn luôn dành những bất ngờ. Nguyễn Phúc Ánh, kẻ thù và là kẻ bại trận (đối với Nguyễn Huệ) đã thừa hưởng và tiếp tục sự nghiệp thống nhất của Nguyễn Huệ.

Đàng Trong và Đàng Ngoài<sup>37</sup>, cho dù có thời gian đã phân cách và tham vọng của những thế lực cát cứ là muốn biến chúng trở thành hai nước, song trong ngôn ngữ Việt mà Alexandre de Rhodes rất rành, vẫn là danh xưng để chỉ hai phần của một thể thống nhất. Nhà Lê chỉ còn trên danh nghĩa, ngọn cờ phù Lê cho dù rách nát và bị lợi dụng song nó vẫn chứng tỏ lòng dân cả hai miền chưa thể quên được một nước Đại Việt đã từng đánh bại xuộc xâm lược Nguyên Mông, đã chém Liễu Thăng, đuổi Vương Thông và lời khẳng định của Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô Đại Cáo*: “Giang san từ đây mở mặt, xã tắc từ đây vững nền... nền vạn thế xây nên chắc chắn”.

Royaume de Tonkin, Royaume de Cochinchine là những danh xưng phản ánh một thực tế trong cách nhìn của người nước ngoài mà thôi. Chính vì vậy mà các danh xưng trên vẫn tồn tại song song với danh xưng Royaume d’Annam mà Alexandre de Rhodes ghi trên bản đồ. Cho dù danh xưng sau có thể được ít nói đến hơn song nó có gốc rễ sâu xa trong lịch sử và trong lòng người.

## TRẦN VIẾT NGẠC

---

35. Chiếu lên ngôi.

36. Nguyễn Huệ nói riêng chứ không phải Tây Sơn mà Nguyễn Nhạc, người đứng đầu, cũng có tư tưởng cát cứ.

37. Đường thời có câu hát: Có ai về tới Đường Trong, Nhấn nhẹ bố đồ liệu trông đường về...